TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2021/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 21 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 01 năm 2021;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị H.T.T – sinh năm 1980

Và Anh T.V.T – sinh năm 1969

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Chị H.T.T và anh T.V.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2000 tại UBND phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình hai

bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Anh chị mặc dù sống cùng nhà nhưng mỗi người một cuộc sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị H.T.T và anh T.V.T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Chị H.T.T và anh T.V.T thống nhất xác nhận vợ chồng có 03 con chung là T.Q.V, sinh ngày 26/02/2002; T.T.H, sinh ngày 25/08/2004; T.Q.H, sinh ngày 30/01/2017. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung T.T.H cho anh T.V.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung T.Q.H cho chị H.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục còn con chung T.Q.V đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Anh T, chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Chị H.T.T và anh T.V.T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Chị H.T.T và anh T.V.T thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Anh T.V.T tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

*** Về tình cảm:** Chị H.T.T và anh T.V.T cùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:**

Chị H.T.T và anh T.V.T thống nhất xác nhận vợ chồng có 03 con chung là T.Q.V, sinh ngày 26/02/2002; T.T.H, sinh ngày 25/08/2004; T.Q.H, sinh ngày 30/01/2017. Công nhận sự thỏa thuận của hai bên giao con chung T.T.H cho anh T.V.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung T.Q.H cho chị H.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (21/02/2021) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác. Con chung T.Q.V đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về cấp dưỡng: Anh T, chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh T, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Chị H.T.T và anh T.V.T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Chị H.T.T và anh T.V.T thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh T.V.T tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003927 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.Thanh Lương,HBT,HN.
(Số 134, quyển số 13/2000)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tú